HH TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 26/2022/DS-ST
Ngày: 22-7-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNHAN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Phương Trang
2. Bà Châu Thanh Nguyên

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Liệu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thái Hòa – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2022/TLST-DS ngày 05/5/2022 về "*tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐXX-DS ngày 27 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thái Tú X (tên gọi khác: Suổn), sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 13, tổ 01, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thanh T, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 24, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Thái Tú Xtrình bày:

Nguyên vào ngày 15-9-2020 bà có cho bà Phạm Thanh T mượn số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 1.500.000 đồng/tháng, hai bên có làm giấy biên nhận, quá trình vay bà T đã trả được cho bà số tiền lãi 8.250.000 đồng, tiền gốc 1.400.000 đồng, tổng số tiền vốn, lãi 9.650.000 đồng. Theo đơn khởi kiện đề ngày 28-4-2022 bà X yêu cầu bà T trả số tiền 18.800.000 đồng, tuy nhiên quá trình tố tụng và hòa giải, bà X đồng ý chuyển số tiền vốn, lãi 9.650.000 đồng trừ vào tiền vốn. Nay bà X thay đổi yêu cầu khởi kiện và xác định bà T còn nợ lại của bà X số tiền gốc 10.350.000 đồng, bà Thái Tú Xyêu cầu bà Phạm Thanh T trả số tiền 10.350.000 đồng (mười triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Phạm Thanh T thừa nhận có vay tiền của bà Thái Tú Xhai bên có làm giấy biên nhận mượn số tiền 20.000.000 đồng, vào ngày 15-9-2020, lãi suất 1.500.000 đồng/tháng. Quá trình vay bà T đã trả được cho bà X số tiền lãi 8.250.000 đồng, tiền gốc 1.400.000 đồng, tổng cộng 9.650.000 đồng. Bà thừa nhận còn nợ lại của bà X số tiền gốc 10.350.000 đồng, bà xin trả dần số nợ trên mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Đối với khoản tiền lãi bà đã trả cho bà Thái Tú X, bà không yêu cầu Tòa án tính lại khoản tiền lãi.

Tòa án đã tổ chức hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Thái Tú Xyêu cầu bà Phạm Thanh T trả số tiền 10.350.000 đồng (mười triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Phạm Thanh T đồng ý trả số tiền 10.350.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Ngày 15-9-2020 giữa bà Thái Tú X và bà Phạm Thanh T có thỏa thuận với nhau về việc vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 1.500.000 đồng/tháng, thời hạn vay 6 tháng trả, bà T có lăn tay vào biên nhận. Do đó, xác định giữa các bên có phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Căn cứ vào biên nhận vay mượn ngày 15/9/2020 và sự thừa nhận của bà T có mượn của bà X và đã được tiền vốn 1.400.000 đồng, lãi suất 8.250.000 đồng. Sau đó, bà T không trả tiền nên bà X khởi kiện. Nay bà X đồng ý chuyển số tiền lãi 8.250.000 đồng cho bà T đã đóng vào tiền vốn chưa trả và yêu cầu bà T trả số tiền còn lại 10.350.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên bà X khởi kiện là có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất: Bà X không yêu cầu và bà T không yêu cầu tính lại lãi suất đã đóng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Bà T yêu cầu trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, không được bà X đồng ý, nên không có cơ sở xem xét giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thái Tú X. Buộc bà Phạm Thanh T có trách nhiệm trả tiền vốn vay còn lại 10.350.000 đồng cho bà Thái Tú X.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ mà các bên đương sự tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và do bị đơn bà Phạm Thanh T có nơi cư trú tại khóm An Hòa A, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Quá trình giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện ban đầu, bà Thái Tú Xkhởi kiện yêu cầu bà Phạm Thanh T trả số tiền 18.800.000 đồng. Quá trình tố tụng tại Tòa án bà T cho rằng đã trả cho bà X số tiền lãi 8.250.000 đồng, tiền gốc 1.400.000 đồng, tổng cộng 9.650.000 đồng, bà X cũng thừa nhận bà T đã trả được cả gốc và lãi là 9.650.000 đồng. Quá trình tố tụng và hòa giải bà X thay đổi yêu cầu khởi kiện, đồng ý chuyển toàn số tiền lãi 8.250.000 đồng mà bà T đã trả vào số tiền vốn mà bà T chưa trả. Nay bà X yêu cầu bà T trả số tiền 10.350.000 đồng.

[3] Về nội dung tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản giữa bà Thái Tú Xvà bà Phạm Thanh T thực tế đã xảy ra, thể hiện qua sự thừa nhận của hai bên. Theo đó bà Thái Tú Xđã cho bà Phạm Thanh T mượn số tiền 20.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận, quá trình vay hai bên có thỏa thuận lãi suất 1.500.000 đồng/tháng. Bà T đã trả được cho bà X số tiền lãi 8.250.000 đồng, tiền gốc 1.400.000 đồng, tổng cộng 9.650.000 đồng. Bà X yêu cầu bà T trả số tiền 10.350.000 đồng và bà T cũng thừa nhận còn nợ lại của bà X số tiền 10.350.000 đồng. Từ đó Hội đồng xét xử nhận thấy, bà T có vay tiền của bà X, quá trình vay mượn bà T cũng đã thực hiện được một phần nghĩa vụ là trả nợ cho bà X, nhưng do bà T vi phạm về thời gian thanh toán, không trả nợ đầy đủ cho bà X. Do vậy, bà X khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền vốn vay 10.350.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà Phạm Thanh T phải trả cho bà Thái Tú Xsố tiền 10.350.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về lãi suất: Bà X không yêu cầu tính lãi suất, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với khoản tiền lãi bà T đã trả cho bà X đã khấu trừ vào khoản tiền gốc, các bên đương sự không yêu cầu Tòa án tính lại khoản tiền lãi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với yêu cầu xin trả dần số tiền mỗi tháng 1.000.000 đồng của bà T, bà X không đồng ý. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà T. Yêu cầu của bà T sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà X được chấp nhận nên bà X không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 35, Điều 147, Điều 219; Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Tú Xđối với bà Phạm Thanh T.

Buộc bà Phạm Thanh T có trách nhiệm phải trả cho bà Thái Tú X số tiền 10.350.000 đồng (Mười triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Về án phí: Bà Phạm Thanh T phải nộp 517.500 đồng (Năm trăm mười bảy ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bà Thái Tú X được nhận lại 470.000 đồng (bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008371 ngày 29-4-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Huyện Tri Tôn;
- Chi Cục THADS Huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Nữ Ngọc Lan